

Số: 486 /2021/CV-TGD

V/v cập nhật tài liệu họp
ĐHĐCĐ năm 2021

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

Trước tiên, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) kính gửi lời chào trân trọng đến Quý Cơ quan.

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về cập nhật thông tin tài liệu họp, Bảo Long xin thông báo đến Quý Cơ quan về việc cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Bảo Long như sau:

1. Tên tài liệu được cập nhật: Tờ trình số 09/2021/TT-HĐQT về việc sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
2. Nội dung cập nhật: sửa đổi nội dung các điều: Điều 36, Điều 37, khoản 4 Điều 41, Điều 50 và Điều 54 tại Dự thảo Điều lệ, đảm bảo tuân thủ các quy định mới của pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động của Bảo Long.
3. Các nội dung khác tại tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Bảo Long đã công bố thông tin không thay đổi.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT, VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN QUỐC DŨNG



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
BAO LONG INSURANCE CORPORATION

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Ngày 30 tháng 03 năm 2021



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

1. Thời gian: 08h15, Thứ Ba, ngày 30/03/2021
2. Địa điểm: Lầu 2 - Trụ sở chính Bảo Long, 185 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. HCM.

Thời gian	Nội dung
08:00 – 08:15	Đại biểu đăng ký và nhận tài liệu
08:15 – 08:25	<ul style="list-style-type: none">– Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự– Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền biểu quyết– Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu
08:25 – 08:30	<ul style="list-style-type: none">– Chủ tịch HĐQT thông qua Quy chế Đại hội và Chương trình Đại hội
08:30 – 11:00	<p>Trình bày các báo cáo và tờ trình:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021;3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;4. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch năm 2021;5. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021;6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Bảo Long năm 2021;7. Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2021;8. Sửa đổi Điều lệ Bảo Long lần thứ 11;9. Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS;10. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023;11. Tờ trình thông qua danh sách nhân sự tham gia ứng cử và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023;12. Tờ trình thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung Thành viên HĐQT;13. Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội. <ul style="list-style-type: none">– Đại hội thảo luận– Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình– Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023
11:00 – 11:15	Giải lao
11:15–11:30	<ul style="list-style-type: none">– Công bố kết quả biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình, kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023– Ra mắt Thành viên Hội đồng Quản trị được bầu bổ sung
11:30 – 11:45	<ul style="list-style-type: none">– Công bố Biên bản Đại hội và biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội– Tuyên bố bế mạc Đại hội

Số: 03 /2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế tổ chức
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều 20 của Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long,

Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Dự thảo Quy chế gồm 4 Chương và 14 Điều đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN THÀNH LONG

DỰ THẢO

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sau đây gọi tắt là Bảo Long).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng Cổ đông (sau đây gọi tắt là Đại hội), điều kiện, thể thức tiến hành và thể lệ biểu quyết của cuộc họp.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 23/02/2021 có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp.
- Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.
- Giấy ủy quyền theo mẫu kèm Thư mời họp (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền được ký bởi chính cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/ tổ chức đó.

71
ING C
CỔ PH
BẢO H
BẢO L
T.P

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết (ghi tên cổ đông, mã số và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó).

- b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được phát biểu trước đó thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào "*Phiếu ghi ý kiến đóng góp*" và gửi lại Ban Thư ký để tập hợp và chuyển cho Chủ tọa đoàn.
- d. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- e. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn của Chủ tọa đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- f. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ Chủ tọa đoàn

1. Chủ tọa đoàn do Hội đồng quản trị giới thiệu, thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Chủ tọa đoàn gồm có Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tọa và các thành viên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một trong số họ làm chủ tọa theo nguyên tắc đa số.
3. Nhiệm vụ của Chủ tọa đoàn:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
 - c. Trình dự thảo các báo cáo, tờ trình và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

- e. Yêu cầu thực hiện các biện pháp an ninh nếu cần thiết: Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị thành lập.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:
 - a. Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, thư mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 23/02/2021 để kiểm tra tính hợp lệ;
 - b. Kiểm tra tỷ lệ cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;
 - c. Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - d. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, phiếu bầu của Đại hội.
 - e. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa đoàn giới thiệu.
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội;
 - b. Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và kịp thời báo cáo cho Chủ tọa đoàn xem xét giải trình cho cổ đông;
 - c. Soạn thảo và báo cáo cho Đại hội nội dung biên bản cuộc họp trước khi bế mạc Đại hội.
 - d. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hay Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Hướng dẫn công khai cho cổ đông cách thức biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;

- b. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham gia Đại hội.
- c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/02/2021.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không làm mất trật tự, không sử dụng điện thoại di động trong thời gian diễn ra Đại hội.

Điều 11. Thẻ lệ biểu quyết

1. Mọi Nghị quyết của Đại hội phải được biểu quyết một cách công khai, trực tiếp.
2. Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu hoặc được ủy quyền (nếu có).
3. Cách thức biểu quyết: Cổ đông sẽ biểu quyết các vấn đề bằng Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu:

a. Thẻ biểu quyết:

Mỗi cổ đông nhận 01 Thẻ biểu quyết có in đầy đủ họ và tên, mã số cổ đông, số lượng cổ phần và có đóng dấu treo của Bảo Long. Cổ đông biểu quyết từng vấn đề cần biểu quyết bằng cách gĩa Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa đoàn. Đối với từng vấn đề biểu quyết, cổ đông sẽ cho ý kiến "Đồng ý", "Không đồng ý" hoặc "Không có ý kiến".

b. Phiếu bầu:

Việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị căn cứ vào Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Bảo Long.

Điều 12. Thông qua các nội dung biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Bảo Long;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Bảo Long;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
 3. Việc biểu quyết bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và theo tiêu chí Quy chế bầu cử do Đại hội thông qua.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản và nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 4 chương, 14 điều, có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



NGUYỄN THÀNH LONG

Số: 04/2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2020 của
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2020 của Bảo Long đã được kiểm toán như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Chỉ tiêu	KH 2020 triệu đồng	TH 2020 triệu đồng	HTKH %
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.520.000	1.438.062	94,6%
- Chi phí trích lập dự phòng phí	(116.912)	(121.765)	104,2%
- Chi bồi thường (bao gồm trích lập DP BT)	(536.907)	(504.646)	94,0%
- Chi phí tái bảo hiểm	(188.049)	(122.453)	65,1%
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm	(156.751)	(107.802)	68,8%
- Chi phí bán hàng	(447.888)	(497.969)	111,2%
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(16.705)	(15.285)	91,5%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	56.788	68.142	120,0%
Hoạt động đầu tư tài chính			
- Doanh thu	96.084	113.469	118,1%
- Chi phí	(8.294)	(5.796)	69,9%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	87.790	107.673	122,6%
Thu nhập từ hoạt động khác	(1.012)	108	(10,7%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(103.895)	(92.533)	89,1%
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	39.671	83.390	210,2%

Tổng thể, kết quả hoạt động kinh năm 2020 đạt kế hoạch đề ra về lợi nhuận, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 83.390 triệu đồng, tương ứng với 210,2% kế hoạch. Kết quả của từng chỉ tiêu hoạt động cụ thể như sau:



1.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu từ phí bảo hiểm

Năm 2020, doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 1.438.602 triệu đồng, tăng trưởng 17,4% so với năm 2019, hoàn thành 94,6% kế hoạch đề ra.

Chi phí bồi thường

Tỷ lệ chi phí bồi thường trên tổng doanh thu năm 2020 là 35,1%, thấp hơn tỷ lệ kế hoạch 2020 là 35,3%, đây là tỷ lệ bồi thường tính trên doanh thu phí bảo hiểm. Nếu xét trên doanh thu phí thuần (sau khi đã trừ dự phòng phí trích lập), chi phí bồi thường bảo hiểm là 504.646 tương ứng tỷ lệ bồi thường thực tế đạt 39%, bằng với tỷ lệ bồi thường kế hoạch đề ra là 39%.

Chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác HĐKDBH tại đơn vị kinh doanh

Tổng chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác (chi phí dự phòng dao động lớn và chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) cho mục đích kinh doanh trực tiếp tại các đơn vị kinh doanh phát sinh trong năm 2020 là 621.056 triệu đồng, thấp hơn so với số dự kiến là 621.345 triệu đồng, tương ứng 43,2% doanh thu phí bảo hiểm.

1.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Lợi nhuận đầu tư tài chính năm 2020 đạt 107.673 triệu đồng, trong đó doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư là 113.469 triệu đồng và chi phí từ các hoạt động tài chính khác như đánh giá lại tỷ giá, chi phí giao dịch gửi tiền, chi phí tài chính khác là 5.796 triệu đồng.

Hoạt động đầu tư	Kế hoạch 2020 (triệu đồng)			Thực hiện 2020 (triệu đồng)		
	Nguồn	Thu nhập	ROI	Nguồn BQ	Thu nhập	ROI
Hoạt động đầu tư	1.140.000	87.790	7,70%	1.200.581	107.673	8,97%

Tổng thể, lợi nhuận đầu tư tài chính năm 2020 đạt 107.673 triệu đồng, tương ứng ROI là 8,97%, hoàn thành 126,5% kế hoạch năm 2020.



1.3. Chi phí quản lý của trụ sở chính

Chi phí quản lý tại trụ sở chính	KH 2020 Triệu đồng	TH 2020 Triệu đồng	% biến động
Chi phí quản lý tại trụ sở chính	103.895	92.533	-10,9%
Tỷ lệ so với tổng doanh thu phí bảo hiểm	6,8%	6,4%	

Chi phí quản lý tại trụ sở chính phát sinh trong năm 2020 là 92.533 triệu đồng, thấp hơn 10,9% so với kế hoạch dự kiến, giảm tỷ trọng chi phí quản lý của trụ sở chính xuống từ 6,8% còn 6,4% so với tổng doanh thu phí bảo hiểm.

1.4. Lợi nhuận kế toán trước thuế

Năm 2020, lợi nhuận kế toán trước thuế của Bảo Long đạt 83.390 triệu đồng, hoàn thành 210,2% kế hoạch và tăng trưởng 57,8% so với năm 2019.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Trên cơ sở kết quả kinh doanh nêu trên, Bảo Long đã lập báo cáo tài chính năm 2020 theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG Việt Nam và được đính kèm theo tờ trình này.

Kinh trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua kết quả kinh doanh năm 2020 và báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100		1.919.351.501.543	1.749.934.164.717
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	422.206.150.656	347.704.234.926
Tiền	111		250.950.143.598	347.704.234.926
Các khoản tương đương tiền	112		171.256.007.058	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		697.555.148.870	761.881.950.978
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	69.970.644.723	57.225.679.647
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(3.918.306.952)	(10.369.692.890)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	631.502.811.099	715.025.964.221
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	360.994.122.131	269.866.486.875
Phải thu của khách hàng	131		298.625.189.220	216.115.044.284
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>298.625.189.220</i>	<i>216.115.044.284</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		91.341.567.595	75.674.385.894
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(28.972.634.684)	(21.922.943.303)
Hàng tồn kho	140		517.667.110	577.563.371
Hàng tồn kho	141		517.667.110	577.563.371
Tài sản ngắn hạn khác	150		89.525.733.173	46.970.991.370
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	89.525.733.173	46.970.991.370
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	<i>151.1</i>		<i>88.434.409.907</i>	<i>45.326.508.796</i>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	<i>151.2</i>		<i>1.091.323.266</i>	<i>1.644.482.574</i>
Tài sản tái bảo hiểm	190	17(a)	348.552.679.603	322.932.937.197
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		241.313.664.374	222.446.893.383
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		107.239.015.229	100.486.043.814

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		362.324.625.687	246.261.417.007
Các khoản phải thu dài hạn	210		16.832.980.875	12.694.980.132
Phải thu dài hạn khác	218	6	16.832.980.875	12.694.980.132
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1		12.000.000.000	12.000.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2		4.832.980.875	694.980.132
Tài sản cố định	220		96.916.295.401	94.996.708.942
Tài sản cố định hữu hình	221	8	20.902.648.093	20.576.737.664
<i>Nguyên giá</i>	222		43.842.985.240	42.956.307.113
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.940.337.147)	(22.379.569.449)
Tài sản cố định vô hình	227	9	72.807.607.308	66.769.971.278
<i>Nguyên giá</i>	228		81.426.310.127	74.604.502.449
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.618.702.819)	(7.834.531.171)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.206.040.000	7.650.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	205.010.400.000	113.244.728.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		206.513.400.000	115.513.400.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.503.000.000)	(2.268.672.000)
Tài sản dài hạn khác	260		43.564.949.411	25.324.999.933
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.187.254.522	14.829.190.409
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	17.160.420.706	6.621.465.986
Tài sản dài hạn khác	268		4.217.274.183	3.874.343.538
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.281.676.127.230	1.996.195.581.724

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.575.401.404.181	1.320.991.190.771
Nợ ngắn hạn	310		1.571.525.004.848	1.317.492.491.438
Phải trả cho người bán	312		293.684.179.339	248.952.126.297
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>	13	<i>293.684.179.339</i>	<i>248.952.126.297</i>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	28.856.668.409	11.238.588.804
Phải trả người lao động	315		6.499.738.815	22.633.898.307
Chi phí phải trả	316		24.913.724.208	17.754.630.382
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.237.226.564	9.967.290.901
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	15	37.773.340.973	36.038.644.560
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	85.216.198.805	81.195.340.549
Dự phòng nghiệp vụ	329	17	1.079.343.927.735	889.711.971.638
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và</i> <i>nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.1</i>		<i>691.449.473.331</i>	<i>550.817.612.136</i>
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm</i> <i>gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.2</i>		<i>314.513.898.819</i>	<i>274.364.198.071</i>
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	<i>329.3</i>		<i>73.380.555.585</i>	<i>64.530.161.431</i>
Nợ dài hạn	330		3.876.399.333	3.498.699.333
Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342		3.846.399.333	3.468.699.333
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		706.274.723.049	675.204.390.953
Vốn chủ sở hữu	410	18	706.274.723.049	675.204.390.953
Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		21.238.002.507	17.908.501.472
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.781.215.208	4.911.634.120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.676.760.179	52.805.510.206
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.281.676.127.230	1.996.195.581.724

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm – phí bảo hiểm gốc		86.424.621.324	78.220.925.908
Nợ khó đòi đã xử lý		14.271.018.820	14.986.727.805
Ngoại tệ – USD	33(b)	343.456	277.981

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Châu Hậu Doanh Doanh
Người lập

Người kiểm soát:

Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Mã số	2020 VND	2019 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	937.642.619.938	885.631.711.419
Doanh thu hoạt động tài chính	12	113.468.695.500	94.398.069.572
Thu nhập khác	13	757.636.605	213.859.049
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	719.070.066.092	694.417.190.024
Chi phí hoạt động tài chính	22	5.795.656.352	7.278.289.517
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	242.963.480.950	225.486.029.813
Chi phí khác	24	649.324.264	212.623.768
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24)	50	83.390.424.385	52.849.506.918
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27.339.358.401	11.370.739.607
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	(10.538.954.720)	(67.479.097)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	66.590.020.704	41.546.246.408
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.079	664



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01		1.297.429.955.144	1.194.973.847.393
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1	20(a)	1.274.703.870.180	1.136.747.642.195
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	20(b)	163.357.946.159	88.130.211.832
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	17	140.631.861.195	29.904.006.634
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02		534.155.630.004	474.341.802.846
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	21	553.022.400.995	520.287.761.197
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	17	18.866.770.991	45.945.958.351
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		763.274.325.140	720.632.044.547
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		174.368.294.798	164.999.666.872
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	22	172.156.606.724	162.340.261.753
- Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		2.211.688.074	2.659.405.119
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		937.642.619.938	885.631.711.419
Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11	23	453.271.029.964	463.953.715.748
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		456.181.502.787	465.846.028.404
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ ba bồi hoàn và thu hàng đã xử lý bồi thường)	11.2		(2.910.472.823)	(1.892.312.656)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	24	249.448.368.943	192.766.984.696
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	17	40.149.700.748	10.182.123.175
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	17	6.752.971.415	1.787.546.995
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15		237.219.390.354	279.581.307.232

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

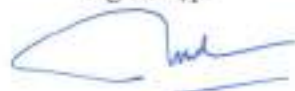
Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	17	8.850.394.154	7.045.900.928
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	473.000.281.584	407.789.981.864
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		107.802.297.672	107.123.655.770
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		365.197.983.912	300.666.326.094
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		719.070.066.092	694.417.190.024
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		218.572.553.846	191.214.521.395
Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	113.468.695.500	94.398.069.572
Chi phí hoạt động tài chính	24	27	5.795.656.352	7.278.289.517
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		107.673.039.148	87.119.780.055
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	242.963.480.950	225.486.029.813
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		83.282.112.044	52.848.271.637
Thu nhập khác	31		757.636.605	213.859.049
Chi phí khác	32		649.324.264	212.623.768
Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		108.312.341	1.235.281
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		83.390.424.385	52.849.506.918
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	27.339.358.401	11.370.739.607
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(10.538.954.720)	(67.479.097)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		66.590.020.704	41.546.246.408
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.079	664

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Châu Hậu Doanh Doanh
 Người lập

Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.414.529.729.035	1.172.881.544.794
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	204.736.885.620	184.459.804.828
Tiền chi			
Tiền chi trả người bán và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.046.832.000.048)	(932.048.055.673)
Tiền chi trả người lao động	03	(186.956.019.881)	(140.037.983.198)
Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	05	(13.192.090.894)	(13.707.608.861)
Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh	07	(324.652.629.097)	(268.108.632.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.633.874.735	3.439.069.653
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.555.892.000)	(15.312.965.455)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	653.618.091	404.800.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.630.661.491.135)	(19.738.284.851.661)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.593.542.785.777	19.595.200.089.415
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	102.055.728.274	66.131.187.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	61.034.749.007	(91.861.740.445)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(34.222.043.721)	(31.394.250.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(34.222.043.721)	(31.394.250.406)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	74.446.580.021	(119.816.921.198)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	347.704.234.926	467.529.651.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	55.335.709	(8.495.627)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	422.206.150.656	347.704.234.926

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Châu Hậu Doanh Doanh
 Người lập

Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Số: 06/2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**V/v Kế hoạch kinh doanh năm 2021****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) năm 2020 và dự báo xu hướng phát triển của Ngành bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong thời gian tới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông duyệt thuận thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Trong năm 2021, Bảo Long tập trung vào hai mục tiêu: (1) Tiếp tục hoàn tất các công việc củng cố hệ thống đã tiến hành từ năm 2019-2020; (2) Tiếp tục tăng trưởng doanh thu với tốc độ tăng trưởng tối thiểu 15%.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, Bảo Long tiếp tục triển khai 8 nhóm giải pháp chiến lược trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm, từ năm 2018 đến năm 2022, bao gồm:

- ❖ **Nhóm 1 – Kênh phân phối:** Mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới phân phối sản phẩm là động lực để tăng trưởng doanh số và thị phần;
- ❖ **Nhóm 2 – Sản phẩm:** Hệ thống sản phẩm đa dạng và ưu việt đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- ❖ **Nhóm 3 – Nguồn nhân lực:** Nâng cao năng lực và sự gắn kết của đội ngũ nhân viên;
- ❖ **Nhóm 4 – Thương hiệu:** Nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu tại thị trường Việt Nam;

- ❖ **Nhóm 5 – Công nghệ:** Áp dụng những tiến bộ của công nghệ để tạo ra động lực và cơ hội phát triển cho toàn hệ thống;
- ❖ **Nhóm 6 – Năng lực tài chính:** Mở rộng quy mô nguồn vốn chủ sở hữu và tăng cường quản lý chất lượng tài sản;
- ❖ **Nhóm 7 – Quy trình kinh doanh:** Cải tiến quy trình kinh doanh đáp ứng được yêu cầu của khách hàng cũng như nhu cầu quản trị nội bộ;
- ❖ **Nhóm 8 - Quản lý rủi ro:** Xây dựng được ERM phù hợp với sự phát triển của hệ thống và thách thức của thị trường.

III. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021

Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch của Bảo Long năm 2021 được trình bày trong bảng dưới đây:

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	TH 2020		KH 2021		% tăng trưởng
	VNDm	%	VNDm	%	
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm					
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.438.062	100,0%	1.700.000	100,0%	18%
- Chi phí trích lập dự phòng phi	(121.765)	(8,5%)	(181.495)	(10,7%)	49%
- Chi phí bồi thường	(504.646)	(35,1%)	(614.534)	(36,1%)	22%
- Chi phí tái bảo hiểm	(122.453)	(8,5%)	(93.212)	(5,5%)	(24%)
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm	(107.802)	(7,5%)	(127.438)	(7,5%)	18%
- Chi phí bán hàng	(497.969)	(34,6%)	(579.861)	(34,1%)	16%
- Chi phí khác hoạt động KDBH	(15.285)	(1,1%)	(18.870)	(1,1%)	23%
LN gộp từ hoạt động kinh KDBH	68.142	4,7%	84.590	5,0%	24%
Hoạt động đầu tư tài chính					
- Doanh thu	113.469	100,0%	93.000	100,0%	(18%)
- Chi phí	(5.796)	(5,1%)	(5.000)	(5,4%)	(14%)
LN gộp từ hoạt động ĐTTC	107.673	94,9%	88.000	94,6%	(18%)
Thu nhập từ hoạt động khác	108	0,0%	-	0,0%	(100%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(92.533)	(6,4%)	(111.448)	(6,6%)	20%
Tổng LN trước thuế	83.390	5,8%	61.142	3,6%	(27%)

Quy mô tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	% tăng trưởng
	VNDm	VNDm	
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	730.791	933.176	28%
Vốn chủ sở hữu	706.275	692.812	-2%
Danh mục đầu tư	1.281.012	1.483.397	16%
Tổng tài sản	2.281.676	2.507.195	10%

3.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm



Năm 2021, kế hoạch tổng doanh thu phí bảo hiểm của toàn hệ thống ước đạt 1.700 tỷ đồng, tăng trưởng 18,2% so với năm 2020.

Chi phí trích lập dự phòng phí

Chi phí trích lập dự phòng phí (DPP) bảo hiểm năm 2021 dự kiến là 181.495 triệu đồng, tương đương với 10,7% doanh thu phí bảo hiểm.

Chi phí bồi thường (bao gồm trích lập dự phòng bồi thường)

Dự kiến chi phí bồi thường bao gồm các hồ sơ ước bồi thường trong năm 2021 khoảng 614.534 triệu đồng, tương đương với 36,1% doanh thu phí bảo hiểm.

Chi phí tái bảo hiểm

Với kế hoạch doanh thu, bồi thường như trên thì chi phí tái ước tính là 93.212 triệu đồng, chiếm 5,5% doanh thu phí bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác HĐKDBH tại đơn vị kinh doanh

Chi phí hoa hồng bảo hiểm:

Hoa hồng bảo hiểm được thực hiện theo đúng tỷ lệ quy định của BTC.

Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng bao gồm chi phí lương, chi phí bán hàng & phát triển kinh doanh thuộc định mức khoán cho các đơn vị kinh doanh trực tiếp được quy định trong Cơ chế tài chính áp dụng cho các đơn vị thành viên. Nhìn chung tỷ trọng hoa hồng và chi phí bán hàng vẫn duy trì ở mức ổn định là 41,6% doanh thu phí bảo hiểm.

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

Bao gồm chi phí trích lập dự phòng dao động lớn và chi phí dự phòng phải thu khó đòi, ước tính không có biến động lớn trong năm 2021.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Từ số liệu kế hoạch của các khoản mục doanh thu chi phí như trình bày ở trên, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (chưa bao gồm phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp) theo kế hoạch sẽ là 84.590 triệu đồng.

3.2. Hoạt động đầu tư tài chính



Tổng nguồn vốn đầu tư khả dụng bình quân	1.331.000 triệu đồng
Tỷ suất lợi nhuận bình quân kỳ vọng	6,6 %/ năm
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	88.000 triệu đồng

Năm 2021, lợi nhuận hoạt động đầu tư dự kiến giảm do: (i): lãi suất hoạt động tiền gửi nhìn chung giảm mạnh, riêng đối với các định chế tài chính như Bảo Long thì lãi suất áp dụng sẽ thấp hơn thị trường, dự kiến trong khoảng 5-6%; (ii) tình hình diễn biến dịch bệnh vẫn còn phức tạp dẫn đến thị trường chứng khoán nhiều khả năng tiếp tục khó khăn với những biến động khó lường.

3.3. Chi phí quản lý tại Trụ sở chính

Chi phí quản lý tại trụ sở chính dự kiến năm 2021 phát sinh là 111.448 triệu đồng, chiếm tỷ trọng là 6,56% so với tổng doanh thu bảo hiểm, duy trì so với năm 2020.

3.4. Lợi nhuận trước thuế

Năm 2021, lợi nhuận kế toán trước thuế của Bảo Long ước đạt 61.142 triệu đồng.

3.5. Quy mô tài sản và nguồn vốn

Quỹ dự phòng nghiệp vụ

Quỹ dự phòng nghiệp vụ năm 2021 ước là 933.176 triệu đồng, tăng 28% so với quỹ dự phòng nghiệp vụ năm 2020.

Vốn chủ sở hữu

Năm 2021, vốn chủ sở hữu của Bảo Long ước đạt 693.662 triệu đồng, không biến động nhiều so với vốn chủ sở hữu năm 2020.

Danh mục đầu tư

Trên cơ sở tăng quỹ dự phòng nghiệp vụ trong năm 2021, danh mục đầu tư sẽ tăng 16%, lên mức 1.483.397 triệu đồng.

Tổng tài sản

Tổng tài sản năm 2021 ước tính là 2.507.195 triệu đồng, tăng 10% so với năm 2020.

IV. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021, Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2021 phù hợp với tình hình và đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Cơ quan chức năng.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GHƯ TỊCH
TỔNG CÔNG
CỐ PHẦN
BẢO HIỂM
BẢO LONG
TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thành Long

TP. HỒ CHÍ MINH
C. P.

Số: 06./2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000, Luật số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 quy định về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 và các Nghị định, Thông tư liên quan hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU (VNĐ)	DIỄN GIẢI
1	Lợi nhuận trước thuế	83.390.424.385	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	16.800.403.681	
3	Lợi nhuận sau thuế	66.590.020.704	= (1) – (2)
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc	3.329.501.035	= (3) * 5%
5	Thù lao HĐQT và BKS năm 2020	3.329.501.035	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 17/03/2020.
6	Lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, thù lao HĐQT và BKS của năm 2019	59.931.018.634	= (3) – (4) – (5)



STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU (VNĐ)	DIỄN GIẢI
7	Thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	2.996.550.932	Tương ứng 5% lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ, thù lao HĐQT và BKS. Chi tiết việc thực hiện theo Tờ trình số 07/2019/TT-HĐQT ngày 18/03/2019
8	Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt	56.934.467.702	= 9,49% * Mệnh giá cổ phiếu tại ngày chốt quyền để chia cổ tức

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Thành Long

Số: 02 /2021/BC-HĐQT

BÁO CÁO**Về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020
và kế hoạch hoạt động năm 2021****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (HĐQT) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020**1. Kết quả thực hiện một số nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:**

- Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020:

Chỉ tiêu	KH 2020 triệu đồng	TH 2020 triệu đồng	HTKH %
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.520.000	1.438.062	94,6%
- Chi phí trích lập dự phòng phí	(116.912)	(121.765)	104,2%
- Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(536.907)	(504.646)	94,0%
- Chi phí tái bảo hiểm	(188.049)	(122.453)	65,1%
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm	(156.751)	(107.802)	68,8%
- Chi phí bán hàng	(447.888)	(497.969)	111,2%
- Chi phí khác hoạt động KDBH	(16.705)	(15.285)	91,5%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động KDBH	56.788	68.142	120,0%
Hoạt động đầu tư tài chính			
- Doanh thu	96.084	113.469	118,1%
- Chi phí	(8.294)	(5.796)	69,9%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động ĐTTC	87.790	107.673	122,6%
Thu nhập từ hoạt động khác	(1.012)	108	(10,7%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(103.895)	(92.533)	89,1%
Tổng LN kinh doanh trước thuế	39.671	83.390	210,2%

- **Phân phối lợi nhuận năm 2019:** HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng nội dung Điều 4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- **Chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:** Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã thống nhất cùng Ban Kiểm soát chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG) trong danh sách các công ty được ĐHĐCĐ 2020 ủy quyền HĐQT lựa chọn, để thực hiện dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 cho Bảo Long theo đúng quy định hiện hành.
- **Thù lao Hội đồng Quản trị:** Trong năm 2020, thù lao của các thành viên HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và nội dung tờ trình đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua là 5% trên lợi nhuận sau thuế.

2. Các hoạt động khác của Hội đồng Quản trị:

- Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự mở rộng tham gia của các Thành viên Ban kiểm soát và lãnh đạo của cổ đông lớn Ngân hàng TMCP Sài Gòn; lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, tham dự chỉ đạo các phiên họp giao ban hàng tháng với Ban Điều hành Tổng Công ty cũng như thực hiện họp các Ủy ban trực thuộc HĐQT, theo đó các Nghị quyết được thông qua như:
 - o **Các nghị quyết được thông qua tại các phiên họp thường kỳ:**
 - + Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2020 và dự kiến Kế hoạch hoạt động kinh doanh quý 2/2020.
 - + Thông qua chủ trương thực hiện chương trình kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
 - + Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm và Kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2020.
 - + Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2020.
 - + Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh 11 tháng đầu và dự kiến kết quả hoạt động năm 2020.
 - o **Các nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**
 - + Nghị quyết về việc phê duyệt chương trình tái bảo hiểm năm 2020.
 - + Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh 2019 và kế hoạch 2020.

- + Nghị quyết về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng và ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông năm 2020.
 - + Nghị quyết về việc dự thảo tờ trình, báo cáo trình ĐHĐCĐ 2020.
 - + Nghị quyết về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng và ngày bắt đầu chi trả cổ tức năm 2019.
 - + Nghị quyết về việc ủy quyền giao dịch với ngân hàng.
 - + Nghị quyết về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2020 của Bảo Long.
 - + Một số Nghị quyết liên quan đến việc điều chuyển, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, miễn nhiệm CBNV Bảo Long.
 - + Và một số Nghị quyết khác trong thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.
- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định, tiếp nhận và xử lý kịp thời các yêu cầu của cổ đông.
 - Thực hiện chức năng quản trị công ty theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

3. Đánh giá chung:

Năm vừa qua, với vai trò là người quản lý Bảo Long, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, các thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tập trung thảo luận các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề trọng tâm liên quan đến định hướng phát triển của Bảo Long; đưa ra những ý kiến đánh giá về chiến lược và chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020.

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong năm 2020, Hội đồng Quản trị tích cực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Bảo Long. Trong năm qua, HĐQT thường xuyên có các chỉ đạo, định hướng kịp thời cho Ban Điều hành khi cần thiết để tiếp tục duy trì, ổn định và phát huy thế mạnh kinh doanh trong bối cảnh thị trường bị ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh Covid-19.

Theo đánh giá chung của HĐQT, mặc dù còn một số tồn tại nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 đã hoàn thành, các công tác quản trị công ty trong năm được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển của Bảo Long trong năm 2021.

Năm 2020 vừa qua, HĐQT đã tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ chính yếu như sau:

- Kịp thời chỉ đạo, định hướng chiến lược kinh doanh cùng với Ban Điều hành sao cho phù hợp với tình hình thực tế của Bảo Long, để cùng Ban Điều hành sẵn

sàng có kế hoạch ứng biến với tình hình thị trường liên tục biến động và chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do các đợt bùng dịch Covid-19, giãn cách xã hội, với mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra trong năm.

- Thông qua và ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện kịp thời.
- Thường xuyên đánh giá công tác triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Thường xuyên cùng Ban Điều hành rà soát, củng cố lại bộ máy tổ chức đảm bảo gọn nhẹ, tăng cường công tác quản lý ngành dọc song song với việc nâng cao chất lượng nhân sự trong toàn hệ thống.
- Cùng với Ban Điều hành trực tiếp kiểm tra tình hình hoạt động của các công ty thành viên để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các đơn vị.
- Tích cực phối hợp với Ban Kiểm soát trong hoạt động duy trì tính an toàn, kiểm soát rủi ro và đảm bảo hoạt động của Bảo Long theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành công ty, cụ thể:

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Bảo Long.
- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của công ty. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Bảo Long; nhanh chóng có những quyết sách kịp thời chỉ đạo Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động điều hành để đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác điều hành và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo từng tháng/quý, để nhanh chóng có các chỉ đạo, quyết sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh năm 2021.

Nhìn chung trong năm 2020, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành rất chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua, các nghị quyết, quyết định chỉ đạo của HĐQT, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách

nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Bảo Long.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Quản lý, điều hành:

- Tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng quý theo quy định và thông qua các nghị quyết, quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong toàn hệ thống Bảo Long, thực hiện công tác quản trị công ty trên cơ sở đảm bảo cao nhất quyền lợi của cổ đông
- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp kinh doanh đã đề ra trong chiến lược 5 năm Bảo Long 2018-2023, khắc phục các trở ngại của thị trường do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, phấn đấu hoàn thành tốt chiến lược kinh doanh đã đề ra.
- Duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình; củng cố và tăng cường vai trò tham mưu của các Ủy ban trực thuộc HĐQT; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của Quý vị Cổ đông.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn hệ thống an toàn, hiệu quả.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ cho phù hợp các quy định mới của pháp luật, đảm bảo tiêu chí đúng quy định, đầy đủ, ngắn gọn, dễ thực hiện và hiệu quả. Phối hợp với các đơn vị thành viên để tham mưu chính sách với Bộ Tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đặc biệt là góp ý dự thảo sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm để tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm;
- Thường xuyên quan tâm củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Bảo Long. Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng chuyên nghiệp hóa để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị công ty theo định hướng phát triển, tiếp tục tổng kết đánh giá Mô hình phân vùng kinh doanh theo chủ trương Tổng Công ty đã triển khai trong năm 2020.
- Tiếp tục xây dựng và thực hiện phương án đề nghị tăng vốn điều lệ của Bảo Long nhằm nâng cao năng lực tài chính đáp ứng các yêu cầu cạnh tranh và phát triển kinh doanh, song song với việc thúc đẩy quá trình thương thảo với các nhà đầu tư chiến lược của Bảo Long.
- Từng bước quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hoá để hướng đến việc xây dựng được một tập thể CBNV chuyên nghiệp, sáng tạo, trí tuệ.

- Tập trung tăng cường công tác quản lý rủi ro; phối hợp tốt với Ban Kiểm soát để tiếp tục duy trì tính an toàn, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi, đảm bảo hoạt động của Bảo Long theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
- 2. Công tác tổ chức nhân sự, phát triển mạng lưới kinh doanh, phát triển thương hiệu**
- Tiếp tục chỉ đạo, theo dõi và phối hợp với Ban Điều hành trong công tác rà soát, tái cơ cấu đơn vị thành viên hoạt động chưa hiệu quả trong năm 2021, xây dựng và điều chỉnh các chính sách nhân sự khi cần thiết ... tạo tiền đề cho việc đánh giá lại đội ngũ nhân sự hiện có thường xuyên liên tục, để từ đó có kế hoạch bố trí, luân chuyển nhân sự vào các vị trí thích hợp, tích cực bồi dưỡng, đào tạo, nhằm đảm bảo nguồn nhân sự Bảo Long ngày càng ổn định và có chất lượng.
 - Tập trung hơn nữa việc chăm lo đội ngũ cán bộ chủ chốt, xây dựng quy trình quy hoạch cán bộ, có thêm chính sách thu hút nhân tài; chuẩn bị đội ngũ chuyên viên đáp ứng công việc của ngành bảo hiểm kỹ thuật số đang phát triển nhanh theo xu thế chung của thế giới.
 - Tiếp tục tham gia cùng Ban Điều hành trong việc đẩy mạnh khai thác bảo hiểm qua các ngân hàng.
 - Trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu đẩy mạnh chiến lược digital marketing, công tác truyền thông hiệu quả để nâng cao giá trị thương hiệu của Bảo Long.
 - Tiếp tục xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản trị điều hành và kinh doanh theo xu hướng công nghệ hiện đại 4.0; từng bước định hướng chiến lược kinh doanh phát triển sản phẩm bảo hiểm qua kênh công nghệ, điều chỉnh cơ cấu bộ máy tổ chức, nhân sự cho phù hợp với hướng phát triển mới.
 - Chú trọng rà soát điều chỉnh chính sách khách hàng, nâng cao hơn nữa dịch vụ chăm sóc khách hàng để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm.
 - Đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và có hiệu quả của các ủy ban trực thuộc HĐQT, nhằm tham mưu nhanh chóng để HĐQT có các quyết sách kịp thời, hỗ trợ Ban Điều hành thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.
 - Luôn nỗ lực vì mục tiêu tối đa hóa quyền lợi của các cổ đông cũng như cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc của toàn bộ CBNV làm việc tại Bảo Long nhằm thu hút chất xám và nhân sự chất lượng cao về làm việc tại Bảo Long.

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 có những diễn biến hết sức phức tạp, nguy hiểm và không thể lường trước từ năm 2020 đến nay đã và đang có những tác động sâu rộng, theo chiều hướng tiêu cực tới nền kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành kinh doanh bảo hiểm nói riêng,

Trước những thách thức đó, HĐQT sẽ tăng cường hơn nữa công tác giám sát, kiểm tra, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành để phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2021 đăng ký với Đại hội đồng cổ đông, phát huy các giải pháp ứng phó một cách có hiệu quả trước các tác động của dịch bệnh như đã thực hiện trong năm vừa qua, củng cố và duy trì sự phát triển bền vững, ổn định của Bảo Long, tích lũy nội lực để tạo đà tăng trưởng, từng bước hoàn thành chiến lược kinh doanh 5 năm 2018 – 2023 đã đề ra và đưa Bảo Long ngày càng nâng tầm vị thế trên thị trường bảo hiểm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT, VT.



NGUYỄN THÀNH LONG



Số: 05/2021/BC-BKS

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

và kế hoạch hoạt động năm 2021

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020

Đến 31/12/2020, BKS Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) gồm 04 thành viên, sử dụng Ban Kiểm toán nội bộ là bộ phận giúp việc. BKS đã thực hiện và hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ năm 2020 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long, bao gồm:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long trong việc quản trị, điều hành Bảo Long;
- ❖ Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập;
- ❖ Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Bảo Long theo quy định;
- ❖ Tham gia các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị (HĐQT);
- ❖ Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác thông qua việc tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp với TGD và các đơn vị trong hệ thống. HĐQT, BKS, BDH đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ

theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Các ý kiến, kiến nghị của BKS tại 4 cuộc họp đã được ghi nhận và cơ bản được HĐQT, BĐH tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.

- ❖ BKS đã tổ chức 4 phiên họp chính thức, chi tiết nội dung các phiên họp:
 - ✓ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019;
 - ✓ Rà soát Báo cáo tài chính cuối mỗi quý và trao đổi về một số rủi ro tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2020;
 - ✓ Xây dựng dự thảo "Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS" tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
 - ✓ Đánh giá hệ thống KSNB của Bảo Long đến thời điểm hiện tại để đưa ra kiến nghị đối với Tổng giám đốc về công tác kiểm tra, giám sát, quản lý rủi ro và tăng năng lực tài chính.
- ❖ Trong năm, BKS đã chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra trực tiếp tại 05 đơn vị và giám sát từ xa 10 đơn vị. BKS đã phê duyệt điều chỉnh kế hoạch kiểm toán năm 2020 nhằm ứng phó với những bất thường trong quá trình hoạt động do dịch bệnh COVID 19 gây ra. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát đã có những kiến nghị với HĐQT, BĐH về các hoạt động điều hành trong các phiên họp HĐQT, trong các báo cáo định kỳ hàng tháng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA BẢO LONG

1. Giám sát đối với hoạt động của HĐQT

- ❖ Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản nhằm ban hành kịp thời các nghị quyết, quy định, quy chế để định hướng theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong các phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và đóng góp được nhiều ý kiến mang tính thực tiễn cao, giúp cho Bảo Long hoàn thành nhiệm vụ chiến lược trong năm 2020.
- ❖ HĐQT đã ban hành 50 Nghị quyết thuộc nhiều lĩnh vực như nhân sự, kinh doanh, mạng lưới... đáp ứng kịp thời các yêu cầu quản trị điều hành và hoạt động kinh doanh của Bảo Long. Các quyết định của HĐQT đều có sự đồng thuận cao của các thành viên HĐQT, được BĐH triển khai thực hiện kịp thời.
- ❖ HĐQT đã hoạt động tuân thủ theo Điều lệ của Bảo Long.

2. Giám sát đối với hoạt động của TGD

- ❖ TGD đã triển khai nhiều giải pháp về quản lý nghiệp vụ, quản lý tài chính nhằm hoàn thành các chỉ tiêu do HĐQT đề ra.
- ❖ TGD đã đưa ra nhiều quyết sách phù hợp nhằm ứng phó với những biến động khó lường do dịch bệnh trong năm 2020 gây ra. TGD đã triển khai các gói sản phẩm đa dạng nhằm đáp ứng với nhu cầu của thị trường, điều hành các đơn vị thành viên mở rộng liên kết với ngân hàng nhằm gia tăng doanh số và hiệu quả kinh doanh. Tuy chưa hoàn thành được mục tiêu về doanh số do ĐHĐCĐ giao nhưng chỉ tiêu về lợi nhuận vượt 110% kế hoạch.
- ❖ TGD đã hoạt động tuân thủ theo nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ của Bảo Long.

3. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2020, tại ĐHĐCĐ thường niên của Bảo Long ngày 17/03/2020, ĐHĐCĐ đã đưa ra 01 Nghị quyết. BKS đánh giá việc thực hiện các Quyết nghị của ĐHĐCĐ như sau:

❖ Về kết quả kinh doanh

Bảo Long hoàn thành 95% kế hoạch doanh thu, 210% kế hoạch lợi nhuận. (Xem chi tiết tại mục 4)

❖ Phân phối lợi nhuận năm 2019

✓ Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc

Bảo Long đã trích quỹ dự trữ bắt buộc là 2.077 triệu đồng.

✓ Thù lao HĐQT, BKS

Bảo Long đã thực hiện việc chi trả thù lao HĐQT và BKS là 2.077 triệu đồng.

✓ Chi trả cổ tức:

Bảo Long đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5,92% (01 cổ phiếu được nhận 592 đồng cổ tức tính trên vốn điều lệ) là 35.520 triệu đồng.

✓ Chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động (ESOP):

Trong năm 2019, Bảo Long đã thực hiện trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2019 sau khi trích quỹ và thù lao HĐQT để tạo nguồn cho chương trình ESOP. Tổng nguồn cho chương trình ESOP là 6.781 triệu đồng.

❖ Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Bảo Long đã chọn công ty KPMG kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

❖ Tăng vốn điều lệ trong giai đoạn 2018-2022

Bảo Long chưa thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm 2020.

4. Tình hình hoạt động kinh doanh.

Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 chi tiết như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.394.000	1.274.704	91%
Doanh thu phí nhận tái	126.000	163.358	130%
LN gộp từ hoạt động tài chính	87.790	107.673	123%
LN khác	-	108	-
Tổng LN kế toán trước thuế	39.671	83.390	210%

Hoạt động của Bảo Long trong năm 2020 đã đạt được một số kết quả như sau:

- ❖ Trong năm 2020, Bảo Long đẩy mạnh khai thác bảo hiểm sức khỏe đạt 183.293 triệu đồng, tăng 66.616 triệu đồng, tỷ lệ tăng 157% so với năm 2019.
- ❖ Chi phí bồi thường đạt 237.219 triệu đồng, giảm 299.688 triệu đồng, tỷ lệ giảm 55,8% so với chi phí bồi thường kế hoạch năm 2020.
- ❖ Hoạt động đầu tư tài chính tăng 23% so với năm 2019, chủ yếu từ lãi tiền gửi và đầu tư chứng khoán, tỷ lệ tăng so với năm 2019 lần lượt là 24% và 67%.

5. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020.

BKS đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Bảo Long và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

Báo cáo tài chính năm 2020 của Bảo Long được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, được Công ty

TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Bảo Long tại thời điểm ngày 31/12/2020.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020 như sau:

- ❖ Tổng tài sản đạt 2.281.676 triệu đồng, tăng 285.480 triệu đồng, tỷ lệ tăng 14,3% so với năm 2019. Trong đó:
 - ✓ Tài sản ngắn hạn là 1.919.351 triệu đồng, chiếm 84,1%;
 - ✓ Tài sản dài hạn là 362.325 triệu đồng, chiếm 15,9%;
- ❖ Vốn và các quỹ đạt 706.275 triệu đồng, tăng 31.070 triệu đồng, tỷ lệ tăng 4,6% so với cuối năm 2019;
- ❖ Tổng doanh thu bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm là 1.438.062 triệu đồng, tăng 213.184 triệu đồng, tỷ lệ tăng 17,4% so với cuối năm 2019;
- ❖ Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm là 218.573 triệu đồng, lợi nhuận từ đầu tư tài chính là 107.673 triệu đồng, lợi nhuận từ hoạt động khác là 108 triệu đồng;
- ❖ Lợi nhuận trước thuế 83.390 triệu đồng;
- ❖ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 11,81%;
- ❖ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 3,65%;
- ❖ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông: 11,09%;
- ❖ Bảo Long đã trích lập dự phòng đúng theo quy định của Bộ Tài chính.

Các khoản dự phòng đến 31/12/2020 như sau:

	<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>
○ Dự phòng phí	691.449
○ Dự phòng bồi thường	314.514
○ Dự phòng dao động lớn	73.381
○ Tài sản tái Bảo hiểm	348.553
○ Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	3.918
○ Dự phòng nợ khó đòi	28.973
○ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.503

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA BKS

1. Lương, thù lao năm 2020 của BKS.

Trong năm 2020, BKS nhận tiền lương (đối với thành viên chuyên trách) và thù lao (đối với thành viên kiêm nhiệm) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020.

2. Lương, thù lao năm 2021 của BKS.

BKS đề xuất lương, thù lao, chi phí hoạt động năm 2021 như sau:

Lương, thù lao của Trưởng BKS và các thành viên BKS: theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt tổng mức thù lao của BKS, và theo Nghị quyết của HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể của từng thành viên BKS.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Bảo Long, trong năm 2021 định hướng hoạt động của BKS như sau:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Bảo Long, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021.
- ❖ Giám sát hoạt động của HĐQT, BDH.
- ❖ Chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ.
- ❖ Thực hiện rà soát đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
- ❖ Thẩm định Báo cáo tài chính theo quy định
- ❖ Thực hiện các yêu cầu của Cổ đông, HĐQT theo quy định của Pháp luật.

Trân trọng báo cáo và trình ĐHĐCĐ.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu VP.HĐQT, BKS, VT.



1000

1000

1000

1000

1000

1000

Số: QB./2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Căn cứ các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, nay Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2021 là 5% trên lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Nguyễn Thành Long

Số: 09 /2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi Điều lệ

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều 20 của Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long,

Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long hiện hành (sửa đổi lần thứ 10) được ban hành căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật này hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành thay thế với nhiều điểm mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số quy định so với Luật Doanh nghiệp 2014.

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020 và pháp luật liên quan, tuân thủ quy định tại Điều 3 Thông tư số 116/2020/TT-BTC về việc tham chiếu Điều lệ mẫu để xây dựng Điều lệ công ty, HĐQT đã xây dựng dự thảo Điều lệ Bảo Long sửa đổi lần thứ 11 (đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÀNH LONG

DỰ THẢO
ĐIỀU LỆ BẢO LONG
(sửa đổi lần thứ 11)



MỤC LỤC

Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
I. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO LONG	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, công ty thành viên, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Bảo Long	6
II. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA BẢO LONG.....	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động, Lĩnh vực kinh doanh và Phạm vi kinh doanh của Bảo Long.....	6
III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 4. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 5. Cổ phiếu	7
Điều 6. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 8. Phát hành trái phiếu	9
Điều 9. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	10
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Bảo Long	10
Điều 11. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	11
Điều 12. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức.....	11
Điều 13. Thu hồi cổ phần	11
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông	12
IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	12
Điều 15. Cơ cấu tổ chức	12
Điều 16. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.....	13
V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 17. Quyền của cổ đông	14
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông	16
Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	16
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Thay đổi các quyền đặc biệt của cổ đông	20
Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 28. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 31. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Bảo Long và người có liên quan	29
VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị.....	30
Điều 33. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần thành viên Hội đồng Quản trị.....	31
Điều 34. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị	31
Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	33
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	35
Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	35
Điều 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	38
Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị.....	38
VII. BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 40. Ban Kiểm soát.....	39
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	39
Điều 42. Trưởng Ban Kiểm soát.....	39
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	40
Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	41
Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát	41
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	42
Điều 46. Tổng Giám đốc	42
Điều 47. Thư ký Công ty	43
IX. LỢI ÍCH, NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	43
Điều 48. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý	43
Điều 49. Công khai các lợi ích liên quan	44
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....	45
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	45
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	46
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ BẢO LONG	47
Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	47
Điều 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	47
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn	48
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	48
Điều 55. Phân phối lợi nhuận	48
Điều 56. Trả cổ tức.....	49
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	50
Điều 57. Tài khoản ngân hàng	50
Điều 58. Năm tài chính.....	50
Điều 59. Chế độ kế toán.....	50
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	51
Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	51
Điều 61. Báo cáo thường niên	51
XVI. KIỂM TOÁN BẢO LONG.....	51
Điều 62. Kiểm toán.....	51
XVII. CON DẤU	52
Điều 63. Con dấu	52
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	52
Điều 64. Chấm dứt hoạt động	52
Điều 65. Gia hạn hoạt động.....	52
Điều 66. Thanh lý	52
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	53
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ	53
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	54
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	54
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	54
Điều 69. Ngày hiệu lực.....	54

Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sửa đổi lần thứ 11) được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 30/03/2021.

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Bảo Long" là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- b. "Điều lệ" là Điều lệ của Bảo Long.
- c. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 4 Điều lệ này.
- d. "Ngày thành lập" là ngày 11/7/1995, đây là ngày Bảo Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- e. "Người nội bộ" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.
- f. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Bảo Long trong các trường hợp sau đây:
 - i. Bảo Long và người nội bộ của Bảo Long;
 - ii. Bảo Long và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Bảo Long;
 - iii. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với Bảo Long trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi Bảo Long hoặc cùng với Bảo Long chịu chung một sự kiểm soát;
 - iv. Quan hệ hợp đồng mà Bảo Long và/ hoặc người đại diện cho Bảo Long đồng thời cũng là người đại diện cho bên kia;
 - v. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - vi. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - vii. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thầu tóm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - viii. Người quản lý Bảo Long, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - ix. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Bảo Long, người đại diện

- theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- x. Cá nhân là người đại diện theo uỷ quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm vi, vii, viii khoản này;
 - xi. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm vi, vii, viii, ix, x khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Bảo Long.
- g. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
- h. "Người quản lý Bảo Long" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Bảo Long theo quy định tại Điều lệ.
- i. "Người điều hành" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Ban Điều hành được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;
- j. "Công ty mẹ, công ty con": Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- i. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - ii. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;
 - iii. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- k. "Giấy tờ pháp lý của cá nhân" là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- l. "Giấy tờ pháp lý của tổ chức" là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
- m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Bảo Long được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
- n. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, và các Luật sửa đổi bổ sung của Luật Doanh nghiệp này (nếu có).
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

I. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO LONG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, công ty thành viên, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Bảo Long

1. Tên:

- Tên tiếng Việt : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**
- Tên tiếng Anh : **BAO LONG INSURANCE CORPORATION**
- Tên giao dịch tiếng Việt: **BẢO HIỂM BẢO LONG**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **BAO LONG INSURANCE**
- Tên viết tắt : **BẢO LONG**

2. Bảo Long là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Bảo Long là:

- Địa chỉ trụ sở chính : 185 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84)28.3823.9219 Fax: (84)28.3822.8967
- E-mail : info@baohiembaocong.vn
- Website : www.baolonginsurance.com.vn

4. Bảo Long có thể thành lập công ty thành viên/chi nhánh và văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Bảo Long theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị và theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động của Bảo Long là 99 năm kể từ ngày thành lập, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 64 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 65 Điều lệ này.

II. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA BẢO LONG

Điều 3. Mục tiêu hoạt động, Lĩnh vực kinh doanh và Phạm vi kinh doanh của Bảo Long

1. Mục tiêu hoạt động của Bảo Long:

Xây dựng và phát triển Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong thị trường bảo hiểm Việt Nam về tính chuyên nghiệp, hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững, với các mục tiêu cụ thể sau:

- a. Phát triển bền vững và hiệu quả.
- b. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho cổ đông.
- c. Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
- d. Đóng góp cho ngân sách nhà nước.
- e. Góp phần cho lợi ích xã hội và có trách nhiệm với xã hội.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Bảo Long:
 - a. Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ;
 - b. Kinh doanh tái bảo hiểm;
 - c. Giám định tổn thất;
 - d. Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn;
 - e. Quản lý quỹ và đầu tư vốn;
 - f. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi kinh doanh của Bảo Long:

Bảo Long được tiến hành các hoạt động kinh doanh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 4. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Bảo Long tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)**. Tổng số vốn điều lệ của Bảo Long được chia thành **60.000.000 cổ phần** với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
2. Bảo Long có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ theo yêu cầu kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận (nếu pháp luật có quy định).
3. Các loại cổ phần:

Các cổ phần của Bảo Long vào ngày thông qua Điều lệ này là các cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.

Bảo Long có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông của Bảo Long quyết định về phương án phát hành đối với mỗi đợt phát hành và hình thức chào bán của mỗi đợt phát hành.

4. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Điều 5. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Bảo Long được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Trường hợp Bảo Long niêm yết trên thị trường chứng khoán thì việc xác nhận cổ phiếu thực hiện theo quy định đối với công ty niêm yết theo quy định của pháp luật.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Bảo Long phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Bảo Long. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Bảo Long, người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Bảo Long chi phí in cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 6. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Bảo Long được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
2. Bảo Long có thể phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết phù hợp với quy định của pháp luật. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và quy định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.
3. Việc chuyển nhượng mà sau đó, một cá nhân nắm giữ 10% vốn điều lệ hoặc một tổ chức nắm giữ từ 10% vốn điều lệ trở lên của Bảo Long; hoặc việc chuyển nhượng mà sau đó, một cá nhân không còn nắm giữ 10% vốn điều lệ hoặc một tổ chức không còn nắm giữ từ 10% vốn điều lệ trở lên của Bảo Long thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện. Cổ đông có trách nhiệm thông báo cho Bảo Long trước khi thỏa thuận việc chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng được các điều kiện về chuyển nhượng cổ phần và phải cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với đề nghị chuyển nhượng và các hồ sơ có liên quan đến thỏa thuận giữa các bên theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trên cơ sở thông báo của cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chuyển nhượng thực hiện theo các quy định của pháp luật và của Bảo Long.

- Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật liên quan. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật kinh doanh bảo hiểm.
- Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Bảo Long.
- Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Bảo Long cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Bảo Long.
- Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Bảo Long từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Bảo Long và/hoặc được cơ quan nhà nước chấp thuận nếu có quy định.

Điều 8. Phát hành trái phiếu

- Bảo Long có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
- Bảo Long không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.
- Thẩm quyền quyết định loại trái phiếu và tổng giá trị phát hành trái phiếu như sau:

Đại hội đồng cổ đông	i. Các loại trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền; ii. Các loại trái phiếu khác có tổng giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long.
Hội đồng Quản trị	Các loại trái phiếu khác (ii) có tổng giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long.

- Thủ tục và hồ sơ phát hành trái phiếu thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 9. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Bảo Long mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Bảo Long mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Bảo Long trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Bảo Long phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Bảo Long giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Bảo Long

Bảo Long được quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị được quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Bảo Long và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. Bảo Long có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ tại Bảo Long theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - a. Quyết định mua lại cổ phần của Bảo Long phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Bảo Long, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Bảo Long.
 - b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Bảo Long trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản chào bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Bảo Long chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 11. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Bảo Long chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Bảo Long vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của pháp luật. Bảo Long phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Bảo Long mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Bảo Long.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Bảo Long giảm hơn 10% thì Bảo Long phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 12. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định của pháp luật hoặc trả cổ tức trái với quy định thì các cổ đông phải hoàn trả cho Bảo Long số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Bảo Long thì tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Bảo Long trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 13. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Bảo Long.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với

tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay bình quân của thị trường/một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi, hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

1. Bảo Long phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Bảo Long để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Bảo Long không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Bảo Long bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng Quản trị
3. Ban Kiểm soát
4. Tổng Giám đốc.

Điều 16. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long

1. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long là cá nhân đại diện cho Bảo Long thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Bảo Long, đại diện cho Bảo Long với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
2. Theo Điều lệ này, Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
3. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật và bổ sung vào Điều lệ của Bảo Long.
4. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Bảo Long chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Bảo Long trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Bảo Long trở lại làm việc tại Bảo Long hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị được quyền quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
6. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
7. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Bảo Long
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long có trách nhiệm sau đây:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Bảo Long;
 - Trung thành với lợi ích của Bảo Long; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Bảo Long, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Bảo Long để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Bảo Long về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- b. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Bảo Long do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm a khoản 7 Điều này.

V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần tại Bảo Long, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Bảo Long trong phạm vi số vốn đã góp vào Bảo Long.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho người khác trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Bảo Long, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Bảo Long giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Bảo Long sau khi Bảo Long đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Bảo Long theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Bảo Long mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
 - a. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải

thông qua Hội đồng Quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Bảo Long;

- b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Bảo Long khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Bảo Long; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Bảo Long.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Bảo Long, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Điều lệ này.
 6. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.
 7. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.
 8. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả

các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Bảo Long dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Bảo Long hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Bảo Long phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Bảo Long trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ Bảo Long và các quy chế của Bảo Long; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần, thông báo kịp thời khi thay đổi địa chỉ và thông tin đã đăng ký.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Bảo Long dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Bảo Long.
6. Bảo mật các thông tin được Bảo Long cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Bảo Long cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này.
2. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Bảo Long và chỉ có hiệu lực đối với Bảo Long kể từ ngày Bảo Long nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn, điều kiện và trách nhiệm theo quy định của pháp luật quy định.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Bảo Long. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo Long;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

- e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Người quản lý Bảo Long vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 2 Điều 20 Điều lệ này;
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bảo Long.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bảo Long.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Bảo Long hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Bảo Long;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;

- d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Bảo Long, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua định hướng phát triển của Bảo Long;
 - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - e. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Bảo Long, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Bảo Long;
 - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Bảo Long;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Bảo Long và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Bảo Long và các cổ đông của Bảo Long;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
 - n. Bảo Long mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Bảo Long hoặc các công ty thành viên của Bảo Long ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này;
 - p. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Bảo Long.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Thay đổi các quyền đặc biệt của cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 24 và Điều 26 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Bảo Long không bị thay đổi khi Bảo Long phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Bảo Long. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Bảo Long niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Bảo Long. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Bảo Long. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Bảo Long ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 23 Điều lệ này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối đề xuất nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - c. Các trường hợp khác.

Điều 24. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử khi Quy chế tổ chức Đại hội thông qua.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
5. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 25. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Bảo Long phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Bảo Long cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông

đó. Đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng kiểm đếm thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
7. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ tọa cuộc họp có các quyền sau đây:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
13. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
14. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 13 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Bảo Long theo Điều 15 của Điều lệ này;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Bảo Long;
 - f. Các vấn đề khác do Điều lệ quy định.
3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này và khoản 1 Điều 22 của Điều lệ.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử do Đại hội thông qua.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 2 điều này.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo Long, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết định và tài liệu giải trình phải gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công

bổ tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Long;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Bảo Long phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Hình thức gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo cho cổ đông: gửi thư theo địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Bảo Long. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Long;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Bảo Long trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Long;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Bảo Long.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long.
7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Bảo Long.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Bảo Long, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Bảo Long.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 31. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Bảo Long và người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Bảo Long và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Bảo Long phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Bảo Long ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Bảo Long ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này.
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Bảo Long và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định như trên, người đại diện Bảo Long ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp

- đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo quy định của khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Điều lệ này.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Bảo Long các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
 5. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chung về người quản trị, điều hành và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Bảo Long và không nhất thiết phải là cổ đông của Bảo Long.
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị của Bảo Long không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm).
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị và đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 điều này;
 - b. Không phải là người đang làm việc cho Bảo Long, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Bảo Long; không phải là người đã từng làm việc cho Bảo Long, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Bảo Long ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Bảo Long, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Bảo Long; là người quản lý của Bảo Long hoặc Công ty con của Bảo Long;
 - e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Bảo Long;
 - f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Bảo Long ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

- Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.

Điều 33. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần thành viên Hội đồng Quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Bảo Long ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Bảo Long phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Điều 34. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Bảo Long phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Bảo Long để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Bảo Long nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);

- e. Lợi ích có liên quan tới Bảo Long và các bên có liên quan của Bảo Long;
 - f. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Bảo Long quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Bảo Long. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Thành viên đó bị khởi tố theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định tư cách thành viên Hội đồng Quản trị đó khi đánh giá quyết định khởi tố có ảnh hưởng đến thương hiệu, hoạt động của Bảo Long hay không.
7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.
8. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Điều lệ này.
 - c. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Bảo Long, có toàn quyền nhân danh Bảo Long để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bảo Long không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Bảo Long và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Bảo Long;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m khoản 2 Điều 21, khoản 1 và khoản 3 Điều 31 của Điều lệ này;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối nghiệp vụ, Giám đốc các Đơn vị thành viên, và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Bảo Long, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Bảo Long;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Bảo Long quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Bảo Long gây thiệt hại cho Bảo Long thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Bảo Long; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Bảo Long có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Bảo Long.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị của Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo Long. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội

- đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị:
- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Bảo Long; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành ở Trụ sở chính của Bảo Long hoặc nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Bảo Long.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này.

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Bảo Long. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- 10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 11. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp.
- 12. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 13. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.
- 14. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

15. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Điều 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị, người quản lý khác trong Bảo Long cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Bảo Long và của các đơn vị trong Bảo Long.
2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

VII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực, mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Bảo Long.

Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về người quản trị, điều hành doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;
3. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Bảo Long;
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Bảo Long và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại Bảo Long.;
5. Không được giữ các chức vụ quản lý Bảo Long; không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Bảo Long; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Bảo Long;
6. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Bảo Long.

Điều 42. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Bảo Long.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Bảo Long, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Bảo Long.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Bảo Long, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Bảo Long khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.
7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Bảo Long.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Bảo Long để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Bảo Long và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Bảo Long phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Bảo Long lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Bảo Long trong giờ làm việc.
3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Bảo Long theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử và bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1,2,3 Điều 34 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Bảo Long;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 46. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức bộ máy giúp việc và trình Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh bảo hiểm.
5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; Quyết định tất cả các vấn đề gồm việc ký kết các hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng tài chính và thương mại, xét duyệt bồi thường trong nghiệp vụ bảo hiểm, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Bảo Long theo quy định và theo sự phân cấp của Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Bảo Long;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Bảo Long;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Bảo Long, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Bảo Long kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - j. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, sự cố khác và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo ngay cho Hội đồng Quản trị biết.
6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long, hợp đồng lao động ký với Bảo Long và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Bảo Long thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Bảo Long.

Điều 47. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Bảo Long;
4. Hỗ trợ Bảo Long trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Bảo Long trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Tham dự các cuộc họp và ghi chép biên bản họp;
7. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.

IX. LỢI ÍCH, NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 48. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý

1. Bảo Long có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

- b. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 4. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
 5. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 6. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Bảo Long theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Bảo Long, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 49. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Bảo Long thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Bảo Long theo quy định tại Điều lệ này và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Bảo Long;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Bảo Long phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Bảo Long, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Bảo Long trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Hội đồng Quản trị phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các Văn phòng đại diện/Chi nhánh của Bảo Long;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d. Bảo Long phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan của Bảo Long và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Bảo Long.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Bảo Long đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Bảo Long.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích của Bảo Long.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Bảo Long vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Bảo Long mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Bảo Long không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Bảo Long hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bảo Long và bên thứ ba về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bảo Long bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Bảo Long là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Bảo Long ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Bảo Long với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, người quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Bảo Long với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Bảo Long, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Bảo Long, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Bảo Long được Bảo Long bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Bảo Long là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Bảo Long;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Bảo Long có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ BẢO LONG

Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Bảo Long khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Bảo Long hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Bảo Long theo các quy định tại Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Bảo Long, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Bảo Long để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - e. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Bảo Long để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Bảo Long sẽ tính vào chi phí của Bảo Long, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Bảo Long, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Bảo Long vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Bảo Long phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Bảo Long phải được công bố trên website của Bảo Long.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các chính sách và chế độ lao động theo quy chế quản trị nội bộ của Bảo Long.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Bảo Long với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Bảo Long và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Bảo Long không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
2. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
3. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Bảo Long phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Bảo Long đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Bảo Long không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Bảo Long chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu

niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Trả cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Bảo Long.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Bảo Long.
3. Cổ tức chi trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
4. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Bảo Long. Bảo Long chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Bảo Long đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Bảo Long vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Bảo Long hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng Quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Bảo Long;
 - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Bảo Long không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định. Bảo Long phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 57. Tài khoản ngân hàng

1. Bảo Long mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Bảo Long có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Bảo Long tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Bảo Long mở tài khoản.

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính của Bảo Long bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Điều 59. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Bảo Long sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận.
2. Bảo Long lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Bảo Long.
3. Bảo Long sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Bảo Long có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự

chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Bảo Long phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 62 Điều lệ này. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Bảo Long phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Bảo Long trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Bảo Long tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Bảo Long phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Bảo Long phải được công bố trên website của Bảo Long.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Bảo Long tại trụ sở chính của Bảo Long và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 61. Báo cáo thường niên

Bảo Long phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật và chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN BẢO LONG

Điều 62. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo Long cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Bảo Long phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Bảo Long.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Bảo Long được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo Long.

XVII. CON DẤU

Điều 63. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định: Số lượng con dấu, mẫu con dấu và quy định quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị giao cho Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Bảo Long và pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 64. Chấm dứt hoạt động

1. Bảo Long có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Bảo Long, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Bảo Long phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Bảo Long trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 65. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Bảo Long theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 66. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Bảo Long hoặc sau khi có một quyết định giải thể Bảo Long, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Bảo Long hoặc chuyên

- gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Bảo Long ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Bảo Long.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Bảo Long trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Bảo Long trước Toà án và các cơ quan hành chính.
 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Bảo Long;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Bảo Long hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:
 - a. Cổ đông với Bảo Long;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý cao cấp;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Bảo Long chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Bảo Long.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ (sửa đổi lần 11) này gồm 21 chương 69 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long nhất trí thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp cho Bộ Tài Chính;
 - b. Một (01) bản nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c. Một (01) bản nộp cho Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
 - d. Một (01) bản nộp cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
 - e. Một (01) bản nộp cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - f. Năm (05) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Bảo Long.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Bảo Long.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Bảo Long có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

CHỦ TỊCH HĐQT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thành Long

Phan Quốc Dũng

Số: 07 /2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**VỀ VIỆC CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Đại hội đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Bảo Long quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Bảo Long. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thống nhất cùng Ban kiểm soát chọn Công ty Kiểm toán KPMG là Công ty thuộc danh sách các công ty đủ điều kiện kiểm toán do Bộ tài chính công bố để thực hiện dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 cho Bảo Long theo đúng quy định hiện hành.

Tại Đại hội này, sau khi thống nhất với Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập theo danh sách dưới đây để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 cho Bảo Long như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH KPMG

Nguyên tắc chọn đơn vị kiểm toán độc lập phải là công ty kiểm toán có uy tín trên thị trường, có kinh nghiệm kiểm toán cho công ty bảo hiểm, có chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Kính trình Đại hội nhất trí thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN****LÊ THỊ THANH BÌNH****TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****NGUYỄN THÀNH LONG**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2021

Số: 06/2021/TT-BKS

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Ngày 17/6/2020, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua việc ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực vào ngày 01/1/2021. Trong đó, từ Điều 168 đến Điều 174 thuộc Chương IV Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có quy định trách nhiệm, quyền hạn, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần và có những điểm sửa đổi, bổ sung so với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Vì vậy, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã không còn phù hợp với tình hình hiện tại và phải thực hiện tu chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được tu chỉnh.

Quy chế gồm 7 Chương và 26 Điều đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội cổ đông thông qua.

Nơi nhận

- ĐHQĐCĐ;
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

LÊ THỊ THANH BÌNH

DỰ THẢO

BAO LONG
INSURANCE




QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ký mã hiệu: QC-BKS-01

*Ban hành kèm theo Quyết định số ... /2021/QĐ-....
Ngày của, đã được Đại hội đồng cổ
đông ngày thông qua.*

Lưu hành nội bộ

Tháng.../202..

	QUY CHẾ TỐ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

A. PHẦN KIỂM SOÁT

1. Phần sửa đổi				
Stt	Nội dung sửa đổi	Lần sửa đổi	Trang	Ghi chú
01	Sửa đổi, bổ sung lần 1 nội dung Quy chế theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14	01		

2. Người soạn thảo, xem xét và phê duyệt	
Người soạn thảo	
Họ và tên: Võ Hoàng Duy Trinh Chức danh: Thành viên Ban Kiểm soát	
Người xem xét	
Họ và tên: Lê Thị Thanh Bình Chức danh: Trưởng Ban Kiểm soát	
Người phê duyệt	
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	

Bản quyền tài liệu này thuộc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long do Hội đồng quản trị ban hành. Tài liệu này không được sao chép hoặc sửa chữa một phần hay toàn bộ mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của cấp có thẩm quyền


2/25



B. MỤC LỤC

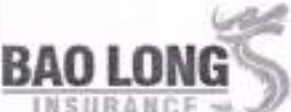
CHƯƠNG I	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh	5
Điều 2. Tài liệu tham khảo	5
Điều 3. Giải thích từ ngữ và những chữ viết tắt	5
CHƯƠNG II	8
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 4. Ban kiểm soát	8
Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát	8
Điều 6. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên	8
Điều 7. Bộ máy giúp việc của Ban kiểm soát	8
Điều 8. Họp Ban kiểm soát	9
Điều 9. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát	10
Điều 10. Chế độ thông tin báo cáo	10
Điều 11. Về chế độ công tác	11
CHƯƠNG III	12
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	12
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát	13
Điều 14. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	14
Điều 16. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	15
Điều 17. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan	15
CHƯƠNG IV	17
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM CHỨC DANH KIỂM SOÁT VIÊN	17
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	17
Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	17
CHƯƠNG V	18
QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI CỔ ĐÔNG, HĐQT, TÓNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH HỆ THỐNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ	18
Điều 20. Ban kiểm soát với ĐHCĐ	18



	QUY CHẾ TÓ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

Điều 21. Ban kiểm soát với HĐQT	20
Điều 22. Ban kiểm soát với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành	21
Điều 23. Ban kiểm soát với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ	22
CHƯƠNG VI	24
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT BAN KIỂM SOÁT	24
Điều 24. Khen thưởng.....	24
Điều 25. Kỷ luật.....	24
CHƯƠNG VII	25
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	25
Điều 26. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy chế.....	25



	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

C. NỘI DUNG

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

- 1.1 Quy chế này quy định về Tổ chức hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- 1.2 Mọi hoạt động của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên, đơn vị, cá nhân tại Bảo Long có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát phải tuân thủ Điều lệ Bảo Long và Quy chế này.


Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ số 42/2019/QH14 ngày 14/06/2019.
- Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/08/2013 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21/03/2018.
- Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP; Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC.
- Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và những chữ viết tắt

Bản quyền tài liệu này thuộc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long do Hội đồng quản trị ban hành. Tài liệu này không được sao chép hoặc sửa chữa một phần hay toàn bộ mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của cấp có thẩm quyền



	QUY CHẾ TỒ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02


3.1 Giải thích từ ngữ:

3.1.1 Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Bảo Long:** Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- **Đơn vị:** Bao gồm các Ban/Trung tâm tại trụ sở chính, các Công ty thành viên, Văn phòng đại diện.
- **Người quản lý của Bảo Long:** Là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Bảo Long.
- **Người có liên quan:** Là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Bảo Long trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Bảo Long thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Bảo Long;
 - d. Người quản lý Bảo Long, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - e. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Bảo Long, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
 - g. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e và f khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Bảo Long.
 - h. Các cá nhân, tổ chức được quy định theo pháp luật có liên quan đến Điều lệ của Bảo Long.
- **Người có quan hệ gia đình:** Bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ

Bản quyền tài liệu này thuộc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long do Hội đồng quản trị ban hành. Tài liệu này không được sao chép hoặc sửa chữa một phần hay toàn bộ mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của cấp có thẩm quyền



	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.


- **Hệ thống kiểm soát nội bộ:** Là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Bảo Long được xây dựng, tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
- **Điều lệ Bảo Long:** Là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bảo Long được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

3.1.2 Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3.2 Những chữ viết tắt

ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
TGD	: Tổng Giám đốc
KTNB	: Kiểm toán nội bộ
KSV	: Kiểm soát viên



	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Ban kiểm soát

- 4.1 BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện kiểm tra và giám sát một cách độc lập, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Bảo Long, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Bảo Long tại thời điểm báo cáo.
- 4.2 BKS kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

- 5.1 BKS có từ 03 đến 05 KSV. BKS phải có hơn một nửa số KSV thường trú tại Việt Nam.
- 5.2 Trưởng BKS do BKS bầu trong số các KSV; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bảo Long, trừ trường hợp Điều lệ Bảo Long có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.


Điều 6. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

- 6.1 Nhiệm kỳ của KSV không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 6.2 Trường hợp KSV có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà KSV nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì KSV đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi KSV nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Bộ máy giúp việc của Ban kiểm soát

BKS có bộ phận giúp việc và được sử dụng Ban KTNB của Bảo Long, được sử dụng các nguồn lực của Bảo Long, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.



	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

Điều 8. Hợp Ban kiểm soát

8.1 BKS họp định kỳ mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

Thông báo triệu tập họp BKS phải gửi trước cho các KSV ít nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, trong thông báo phải nêu rõ nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm họp và kèm theo những tài liệu cần thiết về các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp.

8.2 Cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ 3/4 số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định không có đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Bảo Long có quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên BKS dự họp.

8.3 Trưởng BKS phải triệu tập cuộc họp bất thường của BKS theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a. Ít nhất hai 02 KSV;
- b. Các trường hợp khác do Điều lệ Bảo Long quy định.


Trong các cuộc họp bất thường, tùy từng trường hợp BKS mời đại diện HĐQT hay đại diện Ban Điều hành tham dự họp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của một trong các đối tượng tại khoản 8.3 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành họp BKS bất thường.

Trường hợp Trưởng BKS không triệu tập họp BKS theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Bảo Long, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này người đề nghị họp BKS có quyền triệu tập cuộc họp BKS, các KSV dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

8.4 Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số KSV có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định



	QUY CHẾ TÓ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc KSV được Trưởng BKS ủy quyền Chủ tọa cuộc họp.

- 8.5 KSV tham dự cuộc họp có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định thì không được tham gia biểu quyết vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên có mặt, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của các KSV khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- 8.6 Nội dung cuộc họp BKS phải được ghi biên bản đầy đủ, trung thực, chính xác (kể cả ý kiến bảo lưu của KSV nếu có) và phải có chữ ký của tất cả KSV dự họp.


Điều 9. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

- 9.1 BKS làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm của từng KSV.
- 9.2 Trưởng BKS chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHCĐ về hoạt động của BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hoạt động của BKS; phân công và kiểm tra việc thực hiện chương trình kiểm soát của từng KSV; tổng hợp kết quả hoạt động kiểm soát từng thời kỳ để thông báo cho HĐQT, TGD và báo cáo ĐHCĐ tại phiên họp thường niên hoặc bất thường.
- 9.3 Các KSV chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Trưởng BKS, làm việc theo sự phân công và chỉ đạo của Trưởng BKS; chủ động kiểm tra, giám sát và có trách nhiệm báo cáo với Trưởng BKS tiến độ và kết quả kiểm soát, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của số liệu, hồ sơ liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Bảo Long được phân công.

Điều 10. Chế độ thông tin báo cáo

- 10.1 Từng KSV phải báo cáo với Trưởng BKS về tiến độ và kết quả thực hiện chương trình kiểm soát trong tháng, các vụ việc đột xuất được Trưởng BKS giao. Báo cáo phải nêu rõ những vấn đề đã được kiểm tra xác định cùng với nhận xét, đánh giá và kiến nghị của mình; những thông tin nhận được từ các nguồn thông tin về vi phạm pháp luật, Điều lệ của Bảo Long và ý kiến đề xuất với Trưởng BKS.



	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02


- 10.2 Trưởng BKS phải lập báo cáo tình hình và kết quả kiểm soát cùng với những ý kiến đề xuất, kiến nghị của BKS gửi cho HĐQT và TGD Bảo Long; báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ tại phiên họp thường niên hoặc bất thường; nội dung báo cáo, kết luận và các kiến nghị của BKS trước khi trình ĐHĐCĐ phải được bàn bạc tập thể trong cuộc họp BKS và tham khảo ý kiến của HĐQT.
- 10.3 KSV có thể trực tiếp báo cáo với HĐQT trong cuộc họp HĐQT được mời tham dự hoặc báo cáo trước ĐHĐCĐ những vấn đề phát hiện qua kiểm soát nhưng chưa được nêu đầy đủ trong báo cáo của BKS hoặc ý kiến bảo lưu của KSV mà bản thân KSV thấy cần thiết và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung báo cáo của mình.

Điều 11. Về chế độ công tác

Căn cứ vào các thông tin nhận được, vào độ tin cậy, tính khẩn trương, tính chất nghiêm trọng, khả năng và mức độ tác hại có thể gây ra cho Bảo Long, BKS thực hiện phương thức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cho phù hợp:

- BKS trực tiếp kiểm tra định kỳ theo kế hoạch;
- Những sự việc khẩn trương và nghiêm trọng do Trưởng BKS trực tiếp chủ trì kiểm tra;
- Chỉ đạo Ban KTNB tổ chức kiểm tra;
- Phối hợp với các Ban Trụ sở chính/Công ty thành viên tổ chức kiểm tra.



	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- 12.1 BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Bảo Long.
- 12.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 12.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Bảo Long, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- 12.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, KTNB, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Bảo Long.
- 12.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Bảo Long, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Bảo Long khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
- 12.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.
- 12.7 Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.



- 12.8 Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGD vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 12.9 Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Bảo Long.
- 12.10 Sử dụng tư vấn độc lập, Ban KTNB của Bảo Long để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 12.11 BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- 12.12 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ của Bảo Long và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

- 13.1 Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.
- 13.2 Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở ý kiến đề xuất của KSV liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; triệu tập và chủ tọa cuộc họp BKS.
- 13.3 Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.
- 13.4 Thay mặt BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- 13.5 Thay mặt BKS đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.
- 13.6 Điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong trường hợp không bầu được người làm chủ tọa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
- 13.7 Tham dự cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết; tham dự cuộc họp của Ban Điều hành.
- 13.8 Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.



- 13.9 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng KSV.
- 13.10 Đảm bảo các KSV nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.
- 13.11 Giám sát, chỉ đạo các KSV trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của KSV.
- 13.12 Ủy quyền bằng văn bản cho một KSV khác của BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
- 13.13 Triệu tập cuộc họp bất thường của BKS theo đề nghị của ít nhất 02 KSV.
- 13.14 Cho ý kiến về kế hoạch KTNB cho năm tới trước khi gửi Chủ tịch HĐQT, TGD.
- 13.15 Phê duyệt Quy trình KTNB sau khi thảo luận với TGD và báo cáo Chủ tịch HĐQT.
- 13.16 Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Ban KTNB và các chức danh khác của Ban KTNB.
- 13.17 Chỉ đạo, kiểm soát hoạt động của Ban KTNB.
- 13.18 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Bảo Long.

Điều 14. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Trường hợp Điều lệ Bảo Long không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của KSV được thực hiện theo quy định sau đây:

- 14.1 KSV được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
- 14.2 KSV được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- 14.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Bảo Long theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Bảo Long.

Điều 15. Quyền được cung cấp thông tin

Bản quyền tài liệu này thuộc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long do Hội đồng quản trị ban hành. Tài liệu này không được sao chép hoặc sửa chữa một phần hay toàn bộ mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của cấp có thẩm quyền



- 15.1 Tài liệu và thông tin phải được gửi đến KSV cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Bảo Long phát hành.
- 15.2 KSV có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Bảo Long lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Bảo Long trong giờ làm việc.
- 15.3 HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Bảo Long theo yêu cầu của KSV hoặc BKS.

Điều 16. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

- 16.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Bảo Long, Nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 16.2 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Bảo Long.
- 16.3 Trung thành với lợi ích của Bảo Long và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Bảo Long để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 16.4 Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Bảo Long.
- 16.5 Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 16.1, 16.2, 16.3 và 16.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Bảo Long hoặc người khác thì KSV phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà KSV có được do vi phạm phải hoàn trả cho Bảo Long.
- 16.6 Trường hợp phát hiện có KSV vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
- 16.7 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Bảo Long.

Điều 17. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan

Bản quyền tài liệu này thuộc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long do Hội đồng quản trị ban hành. Tài liệu này không được sao chép hoặc sửa chữa một phần hay toàn bộ mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của cấp có thẩm quyền




QUY CHẾ TỒ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

KMH: QC-BKS-01

Ngày hiệu lực:

Lần ban hành: 02

- 17.1 KSV phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Bảo Long bao gồm:
- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 17.2 Việc kê khai quy định tại khoản 17.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Bảo Long trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

	QUY CHẾ TỒ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM CHỨC DANH KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

18.1 KSV phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Bảo Long;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý Bảo Long, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Bảo Long, trừ trường hợp Điều lệ Bảo Long có quy định khác;
- e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Bảo Long.

18.2 Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 18.1 Điều này, KSV không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Bảo Long và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của Bảo Long, người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty mẹ và tại Bảo Long.

Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

19.1 ĐHĐCĐ miễn nhiệm KSV trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác do Điều lệ Bảo Long quy định.

19.2 ĐHĐCĐ bãi nhiệm KSV trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ

Bản quyền tài liệu này thuộc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long do Hội đồng quản trị ban hành. Tài liệu này không được sao chép hoặc sửa chữa một phần hay toàn bộ mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của cấp có thẩm quyền



- trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của KSV theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này và Điều lệ Bảo Long;
- d. Trường hợp khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG V

QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI CỔ ĐÔNG, HĐQT, TÓNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH HỆ THỐNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 20. Ban kiểm soát với ĐHĐCĐ

- 20.1 Các KSV do ĐHĐCĐ bầu và do đó đại diện cho quyền lợi của cổ đông trong quá trình thực hiện trách nhiệm và nhiệm vụ của mình. BKS phải thực hiện và giám sát việc tuân thủ, chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 20.2 BKS có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng, hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, KTNB, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Bảo Long. ĐHĐCĐ thông qua báo cáo BKS về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 20.3 BKS phải triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Bảo Long và phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.
- 20.4 Kiến nghị ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.
- 20.5 Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Bảo Long.






QUY CHẾ TÓ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

KMH: QC-BKS-01

Ngày hiệu lực:

Lần ban hành: 02

- 20.6 ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Bảo Long và Quy chế này.
- 20.7 ĐHĐCĐ quyết định tiền lương hoặc thù lao, các lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02


Điều 21. Ban kiểm soát với HĐQT

- 21.1 BKS thực hiện chức năng giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, giúp HĐQT và Chủ tịch HĐQT quản trị Bảo Long đúng pháp luật, đúng Điều lệ Bảo Long và Nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT phải hợp tác chặt chẽ với BKS, cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS, tạo môi trường thuận lợi cho BKS có điều kiện thực thi có hiệu quả chức năng kiểm soát của mình.
- 21.2 Tham dự cuộc họp HĐQT vừa là nhiệm vụ, vừa là quyền hạn của KSV. Tại đây từng KSV có điều kiện trực tiếp nắm bắt chủ trương, định hướng phát triển, tình hình và kết quả thực tế các mặt hoạt động của Bảo Long cũng như sự thống nhất của các thành viên HĐQT về các quyết định của HĐQT, KSV có dịp trực tiếp báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát, đóng góp ý kiến xây dựng, trình bày quan điểm của mình về các vấn đề liên quan.
- 21.3 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải thông báo cho BKS trước ít nhất là 03 ngày làm việc về chương trình, thời gian, địa điểm họp HĐQT, các vấn đề cần thảo luận, quyết định và các tài liệu họp như đối với các thành viên HĐQT để BKS chuẩn bị nội dung báo cáo tại các cuộc họp của HĐQT.
- 21.4 BKS nhận biên bản họp HĐQT cùng thời gian với các thành viên HĐQT, được HĐQT cung cấp những thông tin về chủ trương, sách lược, định hướng hoạt động của Bảo Long, về phương án tăng giảm vốn điều lệ và các quyết định đầu tư, về cổ đông, phát hành cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phần... là cơ sở cho BKS giám sát tình hình triển khai và kết quả thực hiện.
- 21.5 BKS phải thường xuyên thông báo cho HĐQT về kết quả hoạt động của Bảo Long và những sự việc được phát hiện qua kiểm tra của BKS, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo và khuyến nghị lên ĐHĐCĐ.
- 21.6 HĐQT nghiên cứu chỉ đạo xử lý kiểm tra, và thông báo cho BKS ý kiến của HĐQT về những vấn đề BKS đã nêu, đồng thời giải thích hoặc yêu cầu người có trách nhiệm giải trình những vấn đề mà HĐQT chưa thống nhất với nhận xét,

Bản quyền tài liệu này thuộc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long do Hội đồng quản trị ban hành. Tài liệu này không được sao chép hoặc sửa chữa một phần hay toàn bộ mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của cấp có thẩm quyền

20/25



	QUY CHẾ TỒ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02


đánh giá của BKS.

- 21.7 Về nguyên tắc BKS độc lập với HĐQT, BKS phải báo cáo ĐHĐCĐ những việc vi phạm pháp luật, Điều lệ bảo Long, Nghị quyết ĐHĐCĐ, những hành vi làm phương hại uy tín và lợi ích của Bảo Long, của cổ đông....
- 21.8 Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGD vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Bảo Long, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 21.9 Đề nghị chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
- 21.10 Thông báo cho HĐQT về những vấn đề được kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Bảo Long.
- 21.11 HĐQT quyết định về tổ chức bộ máy của Ban KTNB, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác KTNB trên cơ sở đề nghị của BKS.
- 21.12 HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Ban KTNB và các chức danh khác của Ban KTNB trên cơ sở đề nghị của Trưởng BKS.

Điều 22. Ban kiểm soát với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

- 22.1 Quan hệ giữa BKS và TGD Bảo Long là mối quan hệ giữa cơ quan kiểm tra, giám sát và cơ quan thực thi pháp chế, Điều lệ Bảo Long, Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long; TGD chịu sự giám sát của BKS, là quan hệ tương tác để đảm bảo Bảo Long phát triển lành mạnh, vững chắc.
- 22.2 BKS được TGD và hệ thống điều hành cung cấp đầy đủ những thông tin, tài liệu, báo cáo số liệu khi cần thiết (các văn bản quy chế, quy định, quy trình...) về mọi hoạt động của Bảo Long để kiểm tra, giám sát hoặc tham gia ý kiến.
- 22.3 BKS được tham gia họp giao ban hàng tháng và họp giao ban bất thường giải



	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02


quyết những vấn đề bất thường, những tin đồn thất thiệt...

- 22.4 Khi cần kiểm tra chi tiết những vấn đề cụ thể BKS thông báo cho TGD biết để chỉ đạo các đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung kiểm tra, cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, số liệu theo yêu cầu của BKS.
- 22.5 Đối tượng kiểm tra phải chịu trách nhiệm về sự chính xác, trung thực của số liệu, tài liệu đã cung cấp, có quyền và nghĩa vụ giải trình trong quá trình kiểm tra, được ghi vào biên bản kiểm tra những nội dung chưa nhất trí với kết luận kiểm tra.
- 22.6 BKS có trách nhiệm bảo mật an toàn số liệu, tài liệu đã nhận, phải hoàn trả đầy đủ nếu là tài liệu gốc (bản lưu của đơn vị được kiểm tra).
- 22.7 BKS thông báo cho TGD nội dung những vấn đề được phát hiện qua kiểm tra cùng với nhận xét, đánh giá, kiến nghị của BKS. TGD phải báo cáo cho BKS biết ý kiến của TGD về những vấn đề chưa thống nhất với BKS; biện pháp khắc phục, chấn chỉnh và kết quả thực hiện các kiến nghị của BKS.

Điều 23. Ban kiểm soát với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ


- 23.1 BKS giám sát hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, sử dụng bộ máy Ban KTNB của Bảo Long để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 23.2 BKS thông báo cho các Đơn vị biết chương trình kiểm soát của mình, trong đó nêu rõ các nội dung yêu cầu Đơn vị phải tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với BKS thực hiện, kiểm tra.
- 23.3 Trường hợp có tình hình đột xuất cần phải khẩn trương kiểm tra, BKS sau khi tham khảo với HĐQT có thể yêu cầu Đơn vị tiến hành kiểm tra ngay để báo cáo với BKS hoặc phối hợp với BKS để kiểm tra.
- 23.4 Để thực thi chức năng giám sát từ xa, các Đơn vị phải gửi cho BKS các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan:
- Kế hoạch, chương trình hoạt động của Đơn vị tháng, quý, năm.



	QUY CHẾ TÓ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

- Báo cáo định kỳ hàng tháng tình hình hoạt động theo nghiệp vụ phụ trách.
- 23.5 Sau mỗi đợt thanh kiểm tra, các Đơn vị báo cáo kết quả chỉnh sửa, khắc phục các sai sót theo kiến nghị của các Đoàn kiểm tra, những vấn đề còn tồn tại chưa được khắc phục, các khó khăn vướng mắc, gửi Bộ phận quản lý rủi ro để tổng hợp vào cuối tháng.
- 23.6 Bộ phận quản lý rủi ro báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện công tác thanh kiểm tra vừa tổng hợp, vừa chi tiết từng vụ việc tại các đơn vị cùng với nhận xét đánh giá, kiến nghị gửi về BKS (thông qua Ban KTNB).
- 23.7 Khi cần, BKS yêu cầu Đơn vị phải giải thích, chứng minh các số liệu, nội dung đánh giá căn cứ nhận xét trong báo cáo của Bộ phận quản lý rủi ro.
- 23.8 Những khiếm khuyết lớn có thể gây tổn thất hoặc nguy cơ rủi ro phải báo ngay cho BKS.
- 23.9 BKS chỉ đạo Ban KTNB thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống, quy định, quy trình góp phần bảo đảm Bảo Long hoạt động an toàn, hiệu quả đúng pháp luật.
- 23.10 BKS và các Đơn vị phải hợp tác, thường xuyên phản ánh, trao đổi với nhau những vướng mắc, nghi vấn... để có phương án triển khai kiểm tra giám sát kịp thời và chính xác.



	QUY CHẾ TÓ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

**CHƯƠNG VI
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT BAN KIỂM SOÁT**


Điều 24. Khen thưởng

BKS và các KSV có thành tích trong công tác thì được khen thưởng theo chế độ của Bảo Long.

Điều 25. Kỷ luật

- 25.1 BKS, các KSV nếu có sai phạm, không làm tròn nhiệm vụ, cố ý lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành động vụ lợi các nhân cố ý bao che hay đồng lõa xâm phạm lợi ích hợp pháp của Bảo Long, của cổ đông và của khách hàng, tiết lộ tài liệu gây thiệt hại cho Bảo Long và khách hàng thì tùy theo mức độ phải bị xử lý kỷ luật hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật và của Bảo Long.
- 25.2 Người mua chuộc hoặc trả thù, người gây cản trở thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của BKS thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và của Bảo Long.



	QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	KMH: QC-BKS-01
		Ngày hiệu lực:
		Lần ban hành: 02

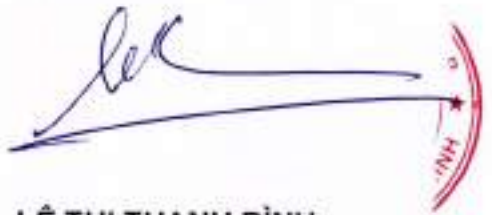
CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do BKS quyết định trên cơ sở phê duyệt của ĐHĐCĐ.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



LÊ THỊ THANH BÌNH

Số: 10 /2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**V/v miễn nhiệm và bầu bổ sung
Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều 20 của Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long;

Hội đồng Quản trị Bảo Long (HĐQT) đã nhận được Đơn xin từ nhiệm của ông Nguyễn Văn Thanh Hải – Thành viên HĐQT Bảo Long nhiệm kỳ 2018-2023, vì lý do cá nhân nên ông Nguyễn Văn Thanh Hải không thể tiếp tục đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT Bảo Long. Vì vậy, để đảm bảo số lượng Thành viên HĐQT là 07 Thành viên, HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua:

1. Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Nguyễn Văn Thanh Hải.
2. Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Văn Thanh Hải.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
NGUYỄN THÀNH LONG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 24 tháng 12 năm 2020.

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Quý Ông/Bà cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Tôi tên : NGUYỄN VĂN THANH HẢI hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

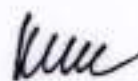
Lời đầu tiên, Tôi xin chân thành cảm ơn đến Quý Cổ đông, các Ông/Bà Thành viên Hội đồng Quản trị đã tin tưởng, tin nhiệm bầu Tôi vào Hội đồng Quản trị. Tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã luôn ủng hộ, giúp Tôi hoàn thành nhiệm vụ được giao trong thời gian qua.

Nay vì lý do cá nhân, Tôi làm đơn này, kính xin Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị cho phép Tôi được từ nhiệm trong kỳ Đại hội đồng Cổ đông gần nhất kể từ ngày 01/01/2021.

Trong thời gian chờ Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua đơn từ nhiệm của Tôi, Tôi xin ủy quyền phần việc của Thành viên Hội đồng quản trị cho Thành viên Hội đồng Quản trị khác.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Kính đơn



NGUYỄN VĂN THANH HẢI



Số: 13 /2021/TT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua danh sách nhân sự tham gia ứng cử và bầu bổ sung
Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,
- Căn cứ kết quả ứng cử, đề cử nhân sự tham gia ứng cử bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) Bảo Long nhiệm kỳ 2018-2023,

Ngày 09/3/2021, Bảo Long đã gửi thông báo đến quý cổ đông, đồng thời công bố trên website Tổng Công ty về việc đề cử, ứng cử nhân sự Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 để tiến hành bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Căn cứ theo thư đề cử hợp lệ của cổ đông có đủ điều kiện, Hội đồng Quản trị đã tổng hợp danh sách ứng viên được đề cử như sau:

STT	ỨNG VIÊN	TÊN CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
1	Ông Trương Khánh Hoàng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn

Hội đồng Quản trị đã kiểm tra và xác nhận ứng viên nêu trên có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia ứng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023. Thông tin của ứng viên được đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 như trên và tiến hành bầu cử.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT, VT.



NGUYỄN THÀNH LONG



**THÔNG TIN ỨNG VIÊN
BẦU BỔ SUNG VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẢO LONG
NHIỆM KỲ 2018-2023**

❖ **ỨNG VIÊN: ÔNG TRƯƠNG KHÁNH HOÀNG**

- Sinh năm: 1986
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng – ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Chức vụ từng đảm nhiệm:

Ông Hoàng có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí như: Giám sát phụ trách Thị trường vốn & Quan hệ đầu tư – Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova; Giám đốc phụ trách Tài chính dự án cấp cao – Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Alpha King; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tái thẩm định, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Điều hành Khối Phê duyệt Tín dụng và Xử lý nợ – Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Số: 11 /2021/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung
Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều 20 của Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long,

Để tiến hành họp bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung Thành viên HĐQT của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long nhiệm kỳ 2018-2023.

Dự thảo Quy chế gồm 11 Điều đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.



NGUYỄN THÀNH LONG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2018 - 2023**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10; Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; Nghị định 73/2016/NĐ-CP và Thông tư 50/2017/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long sẽ tiến hành bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2018-2023 theo các quy định sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử và Quyền bầu cử

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tham dự đại hội hoặc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội theo Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 23/02/2021. Mỗi cổ phần đại diện cho 01 quyền biểu quyết, tổng số lượng cổ phần sở hữu bằng tổng số lượng quyền biểu quyết.

Điều 2. Nguyên tắc, phương thức bầu cử

- a. Đúng luật, đúng điều lệ, đảm bảo dân chủ, công bằng.
- b. Quyền bầu cử, kết quả bầu cử, biểu quyết tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.
- c. Bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- d. Phương thức bầu cử: bầu dồn phiếu.

Điều 3. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

- a. Số lượng Thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 thành viên.
- b. Nhiệm kỳ của HĐQT: 2018-2023.

c. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 73/2016/NĐ-CP, Thành viên HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

- Có bằng đại học hoặc trên đại học.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Bảo Long và không nhất thiết phải là cổ đông của Bảo Long.

- Thành viên Hội đồng Quản trị của Bảo Long không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm).

- Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu 05 năm đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị; 03 năm đối với các thành viên Hội đồng quản trị hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu 03 năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

- Trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm:

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính chấp thuận hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;

- Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

- Không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định pháp luật tại thời điểm được bổ nhiệm.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Bảo Long.

Điều 4. Điều kiện ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT.

b. Cổ đông có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối

đa tám (08) ứng viên.

c. Các cổ đông hợp thành nhóm đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho Đại hội đồng cổ đông biết trước khi đề cử ứng viên.

d. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền được đề cử thêm ứng cử viên.

Điều 5. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

a. Thư ứng cử, đề cử thành viên HĐQT (Mẫu số 01).

b. Thư đề cử thành viên HĐQT dành cho nhóm cổ đông (Mẫu số 02).

c. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (Mẫu 03).

d. Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn).

e. Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của ứng viên.

Điều 6. Phiếu bầu và phương thức bầu cử

a. Phiếu bầu cử HĐQT được in thống nhất, được đóng dấu treo phía trên lá phiếu có tổng số quyền bầu cử theo số lượng cổ phần của cổ đông nắm giữ. Trường hợp cổ đông nhận thấy Phiếu bầu có sai sót, cổ đông có quyền đề nghị Ban Tổ chức đổi phiếu bầu khác ngay sau khi nhận được Phiếu bầu.

b. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín và bầu dồn phiếu. Phương thức bầu dồn phiếu được áp dụng theo quy định tại điểm Khoản 3 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp 2020.

c. Mỗi cổ đông được phát một tờ phiếu bầu HĐQT theo mã số tham dự với tổng số phiếu (quyền) bầu HĐQT bằng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân với số lượng thành viên HĐQT được bầu.

d. Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trường hợp không bầu cho ứng viên thì đánh dấu "X" vào ô đó. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi phiếu bầu bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, thì trực tiếp gặp Ban Tổ chức để được đổi lại phiếu bầu nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

e. Trên mỗi tờ phiếu bầu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc có thể không bầu cho ứng cử viên (bỏ phiếu trống).

f. Tổng số phiếu bầu cho ứng viên HĐQT không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

Điều 7. Phiếu bầu không hợp lệ

Phiếu bầu không hợp lệ là Phiếu bầu vi phạm một trong các nguyên tắc sau:

- a. Phiếu bầu không do Bảo Long phát hành và không đóng dấu của Bảo Long.
- b. Phiếu bầu có số người được bầu vượt quá số thành viên HĐQT tối đa do Đại hội đồng cổ đông đã quy định.
- c. Phiếu bầu có tổng số phiếu đã bầu cho ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu/ đại diện đã đăng ký.
- d. Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách, ghi không chính xác tên ứng viên theo danh sách được đề cử hoặc Phiếu bầu bị gạch tẩy xóa.

Điều 8. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban Kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Hướng dẫn công khai cho cổ đông cách thức biểu quyết và bầu cử các nội dung cần biểu quyết và bầu cử tại Đại hội;
- Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông hoặc người đại diện tham gia Đại hội.
- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung và công bố kết quả bầu cử tại Đại hội.

Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu theo hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội, sau khi Đại hội thông qua Quy chế bầu cử và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Ban kiểm phiếu phải kiểm tra tính hợp lệ của từng lá phiếu, kiểm tra lần lượt từng lá phiếu và ghi lại kết quả.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 9. Nguyên tắc trúng cử Thành viên HĐQT

Đại hội vừa thông qua Tờ trình về danh sách ứng viên với 01 ứng viên tham gia ứng cử bầu bổ sung 01 Thành viên HĐQT. Vì vậy trong trường hợp này, ứng viên chỉ không trúng cử khi có không có phiếu bầu từ Quý cổ đông.

Điều 10. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

a. Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử Thành viên HĐQT sẽ được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.

b. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội và được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

NGUYỄN THÀNH LONG

